

## Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

### Mẫu số 13

## THƯ CHẤP THUẬN E-HSĐT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là \_\_\_\_ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ *[ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 14 Chương VIII của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ *[ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 Chương VII của E-HSMT]*.

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *[căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định thời hạn cuối cùng cho việc thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, hoàn thiện, ký kết hợp đồng nhưng không muộn hơn 28 ngày, kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng]* mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

**HỢP ĐỒNG**

Số: .../... (Năm) /...(ký hiệu hợp đồng)

Ngày ..... tháng ..... năm 2024

**Gói thầu:** Tên gói thầu  
**Công trình:** Tên công trình

**GIỮA**

(TÊN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ)

**VÀ**

(TÊN GIAO DỊCH CỦA NHÀ THẦU)

## PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ và được hợp nhất bởi văn bản hợp nhất số: 02/VBHN-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

## PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm 2024 tại ....., chúng tôi gồm các bên dưới đây:

### 1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):

Tên giao dịch .....

Đại diện (hoặc người được ủy quyền) là: Ông/Bà ..... Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Tài khoản: .....

Mã số thuế: .....

Đăng ký kinh doanh (nếu có) .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

### 2. Nhà thầu (Bên nhận thầu): Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Hai Bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công gói thầu: .....” của Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao. Cụ thể như sau:

### Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Trong hợp đồng này các từ và cụm từ được hiểu như sau:

1.1 “**Chủ đầu tư**” là Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

---

1.2 “Nhà thầu” là .....

1.3 “Công trình” là .....

1.4 “Hợp đồng” là toàn bộ hồ sơ hợp đồng, theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.5 “E-HSMT” của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định tại E- Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư.

1.6 “E-HSDT” của nhà thầu là toàn bộ tài liệu do Nhà thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và được nộp cho Bên mời thầu theo quy định.

1.7 “Bản vẽ thiết kế” là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do chủ đầu tư cấp cho nhà thầu hoặc do nhà thầu lập đã được chủ đầu tư chấp thuận.

1.8 “Bảng phụ lục khối lượng và biểu giá” là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.

1.9 “Bên” là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

1.10 “Ngày” được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.11 “Ngày làm việc” là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.12 “Luật” là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

## **Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. E-HSDT của nhà thầu;
5. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

## **Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng**

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

## **Điều 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Bảo đảm thực hiện hợp đồng: **Cụ thể khi thương thảo hợp đồng (hoặc 2% giá hợp đồng bằng thu bảo lãnh của ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định).**

## **Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc**

Bên nhận thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo E-HSMT (kể cả phần bổ sung, sửa đổi, phát sinh), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong E-HSMT của Bên giao thầu, E-HSDT của Bên nhận thầu được Bên giao thầu chấp thuận và biên bản thương thảo hợp đồng; đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng. Các công việc cụ thể nhà thầu phải thực hiện bao gồm:

- 5.1 Khối lượng công việc: **Nêu tại phụ lục khối lượng và biểu giá kèm theo hợp đồng này.**
  - 5.2 Cung cấp vật tư, vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công công trình theo hợp đồng.
  - 5.3 Thi công xây dựng công trình theo đúng yêu cầu và chỉ dẫn kỹ thuật được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.
  - 5.4 Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).
  - 5.5 Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật tư, vật liệu.
-

- 
- 5.6 Thực hiện nghiệm thu công việc chuyên bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
  - 5.7 Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
  - 5.8 Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành.
  - 5.9 Chịu trách nhiệm về an toàn đối với con người và thiết bị dưới sự quản lý của mình và an toàn đối với Bên thứ ba, không làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Bên giao thầu.
  - 5.10 Trong quá trình thực hiện thi công tại hiện trường phải chấp hành các nội quy, quy định của Bên giao thầu.
  - 5.11 Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi Hợp đồng thi công;
  - 5.12 Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường; Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành.
  - 5.13 Các công việc khác trong quá trình thực hiện Hợp đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng, các tài liệu kèm theo Hợp đồng và quy định của Pháp luật.

## **Điều 6. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng**

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng thi công xây dựng:

- a) Công trình phải được thi công theo chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong **E-HSMT (kể cả phần bổ sung, sửa đổi, phát sinh), hồ sơ bản vẽ thiết kế, E-HSDT...** phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước có liên quan.
- b) Bên nhận thầu đảm bảo vật tư, vật liệu, thiết bị do mình cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của Hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nguồn gốc xuất xứ khác với hồ sơ hợp đồng thì phải đảm bảo chất lượng theo thiết kế và được Bên giao thầu chấp thuận.
- c) Đối với các vật tư, vật liệu mà trong nước chưa sản xuất được thì bên nhận thầu phải cung cấp hồ sơ chứng chỉ xuất xứ (CO); chứng chỉ chất lượng (CQ) và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đến chất lượng vật tư, vật liệu mà mình cung cấp.

6.2. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoặc bộ phận công việc hoàn thành:

Sau khi hoàn thành **công việc hoặc hạng mục công việc**, đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; yêu cầu của hợp đồng.

- a) Bên giao thầu chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 6.1 nêu trên.
- b) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là các yêu cầu và chỉ dẫn kỹ thuật, **bản vẽ của thiết bị (kể cả phần bổ sung, sửa đổi, phát sinh);** biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao...
- c) Hồ sơ nghiệm thu gồm:
  - Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, khối lượng hoàn thành.
  - Các tài liệu CO, CQ, kết quả thí nghiệm vật liệu, hồ sơ kỹ thuật.... của sản phẩm cần nghiệm thu, các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.
  - Hồ sơ, tài liệu hoàn công.
  - Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

6.3. Nghiệm thu, bàn giao công trình:

Sau khi hoàn thành công trình, đáp ứng các điều kiện để nghiệm thu theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, yêu cầu của hợp đồng thì tiến hành nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

## **Điều 7. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng**

7.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng:

---

---

Tổng thời gian thực hiện hợp đồng là ..... ngày làm việc kể từ ngày Bên giao thầu bàn giao mặt bằng thi công cho Bên nhận thầu (không bao gồm thời gian tạm dừng theo yêu cầu sản xuất của Chủ đầu tư).

Bên nhận thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công ngay sau khi nhận bàn giao mặt bằng và sẽ thực hiện thi công đúng thời gian theo quy định trong Hợp đồng.

Phối hợp với Bên giao thầu để điều chỉnh tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục để phù hợp với kế hoạch sản xuất, vận hành của Chủ đầu tư.

## 7.2. Tiến độ thực hiện Hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện Hợp đồng Bên nhận thầu phải lập tiến độ và biện pháp thi công chi tiết trình cho Chủ đầu tư phê duyệt trong thời gian **05 ngày** sau khi hợp đồng được ký kết. Hai bên sẽ căn cứ vào biểu tiến độ này để thực hiện, theo dõi và điều chỉnh tiến độ (nếu cần thiết).

## **Điều 8. Hình thức hợp đồng, Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

8.1. Hình thức hợp đồng: **Hợp đồng trọn gói.**

8.2. Giá Hợp đồng là: Giá trị theo Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu số ...../QĐ-SPLT ngày / /2023 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao là: ..... **đồng.**

(Bằng chữ: .....)

Trong đó: - Giá trị trước thuế: ..... đồng  
- Thuế GTGT 8%: ..... đồng

Giá hợp đồng là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành tất cả các hạng mục của gói thầu nêu trong Phụ lục khối lượng và biểu giá bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Phụ lục khối lượng và biểu giá là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.

**Giá Hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 9.1; 9.2 [Điều chỉnh giá Hợp đồng].**

8.3. Tạm ứng: **Không tạm ứng**

8.4. Thanh toán:

- Bên giao thầu thanh toán cho Bên nhận thầu 100% giá trị Biểu quyết toán được phê duyệt sau khi Bên nhận thầu hoàn thành các công việc có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa công trình vào sử dụng, Hóa đơn thuế GTGT hợp lệ và có Bảo lãnh bảo hành với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng.

- Bảo lãnh bảo hành sẽ được Bên giao thầu giải tỏa cho Bên nhận thầu sau khi kết thúc thời gian bảo hành công trình là 12 tháng.

8.5. Thời hạn thanh toán:

Bên giao thầu sẽ thanh toán cho Bên nhận thầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên giao thầu nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ và hợp lệ của Bên nhận thầu.

8.6. Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam (VNĐ)

b) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

8.7. Hồ sơ thanh toán:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Bên giao thầu và đại diện Bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết; Bản sao các hóa đơn mua bán vật tư, vật liệu đầu vào, thiết bị thi công của Bên nhận thầu.

---

---

- Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong Hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có) và đại diện Bên nhận thầu

- Đề nghị thanh toán của Bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Bên giao thầu và đại diện Bên nhận thầu;

### **Điều 9. Điều chỉnh giá hợp đồng và điều chỉnh thuế**

Hợp đồng được điều chỉnh theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Chỉ điều chỉnh giá hợp đồng đối với những trường hợp sau:

9.1. Khi phát sinh khối lượng công việc bổ sung hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng hoặc khi bổ sung khối lượng công việc hợp lý chưa có đơn giá trong hợp đồng, thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất đơn giá công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng công việc phát sinh, bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng; khối lượng chưa có đơn giá trong hợp đồng. Đơn giá mới được xác định theo Thông tư hướng dẫn về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận trong hợp đồng.

9.2. Đối với các trường hợp bất khả kháng: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào Điều kiện thực tế, Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Có thể áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký kết; hoặc đơn giá xác định theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá mới cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng.

9.3. Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế của Nhà nước có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

### **Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên giao thầu**

10.1. Quyền của Bên giao thầu:

- a) Tạm dừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Bên nhận thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;
- b) Kiểm tra chất lượng thực hiện công việc, cơ sở gia công chế tạo của Bên nhận thầu nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên nhận thầu;
- c) Bên A có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào liên quan đến Hợp đồng, Bên A có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Bên B.
- d) Điều chỉnh thời gian hoặc tiến độ thực hiện hợp đồng;

10.2. Nghĩa vụ của Bên giao thầu:

- a) Bàn giao mặt bằng thi công cho Bên nhận thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của Hợp đồng;
- b) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có), thiết bị (nếu có) theo thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Xem xét và chấp thuận kịp thời bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Bên nhận thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình.
- d) Nghiệm thu, thanh, quyết toán hợp đồng đúng thời hạn theo quy định.

### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên nhận thầu**

11.1. Quyền của Bên nhận thầu

- a) Được quyền đề xuất với Bên giao thầu về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Bên giao thầu;
-

---

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Bên giao thầu chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết;

c) Tiếp cận công trường:

- Bên giao thầu phải bàn giao cho Bên nhận thầu mặt bằng thi công công trình để Bên nhận thầu thực hiện Hợp đồng.

11.2. Nghĩa vụ của Bên nhận thầu

Bên nhận thầu phải cung cấp nhân lực, vật liệu, máy móc, thiết bị thi công và các Điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo E-HSDT để thực hiện các công việc theo nội dung Hợp đồng đã ký kết;

Bên nhận thầu phải thi công xây dựng công trình đúng E-HSDT, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ;

Bên nhận thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công; ghi nhật ký thi công xây dựng công trình; lập hồ sơ thanh toán; lập hồ sơ nghiệm thu; lập hồ sơ hoàn công; lập quyết toán Hợp đồng; thí nghiệm vật liệu; kiểm định (nếu có); sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của Hợp đồng;

Bên nhận thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

Bên nhận thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Bên giao thầu trong khoảng thời gian **03 ngày** làm việc, nếu trong khoảng thời gian này mà Bên nhận thầu không trả lời thì được coi như Bên nhận thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Bên giao thầu.

11.3. Nhân lực và thiết bị của Bên nhận thầu

Nhân lực của Bên nhận thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Bên giao thầu có thể yêu cầu nhà thầu sa thải (*hay tác động để sa thải*) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Bên nhận thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ Điều Khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường. Khi đó, Bên nhận thầu sẽ chỉ định (*hoặc buộc phải chỉ định*) một người khác thích hợp để thay thế. Bên nhận thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

**Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình, số lượng và chủng loại thiết bị phải đúng và đầy đủ theo danh mục mà Bên nhận thầu đăng ký trước khi đưa vào công trường thi công.**

**Điều 12. Nhà thầu phụ (nếu có)**

Khi ký hợp đồng thầu phụ, Bên nhận thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a) Đối với các nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo Hợp đồng thì phải được Bên giao thầu chấp thuận;

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Bên giao thầu về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc do các nhà thầu phụ thực hiện;

c) Bên nhận thầu không được giao lại toàn bộ công việc theo Hợp đồng cho nhà thầu phụ thực hiện.

**Điều 13. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ**

Bên nhận thầu phải chấp hành đúng các quy định đối với nhà thầu về quản lý an toàn, môi trường và phòng cháy, chữa cháy được Bên giao thầu ban hành kèm theo Quyết định số: 472/QĐ-SPLT ngày 23/8/2023 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao.

13.1. An toàn lao động

a) Bên nhận thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi thi công công trình.

b) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

---

---

c) Bên nhận thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình, cung cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

d) Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Bên nhận thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

### 13.2. Bảo vệ môi trường và Phòng chống cháy nổ

a) Bên nhận thầu phải lập và thực hiện đúng các biện pháp bảo đảm về vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trình Chủ đầu tư phê duyệt trước khi thi công công trình.

b) Tuân thủ theo Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001-2015 của Bên giao thầu, lưu giữ xử lý chất thải nguy hại.

### 13.3. Xử lý khi vi phạm:

Nếu Bên nhận thầu vi phạm quy định về an toàn lao động, môi trường và phòng cháy chữa cháy của Bên giao thầu thì sẽ bị xử lý, cụ thể như sau:

- Vi phạm lần đầu: Tạm dừng thi công, thực hiện ngay các biện pháp đảm bảo an toàn; chịu xử lý phạt Hợp đồng về vi phạm của mình.

- Vi phạm lần thứ 2: Bị đình chỉ thi công, thực hiện ngay các biện pháp đảm bảo an toàn, thời gian bị đình chỉ tùy thuộc vào mức độ vi phạm; chịu xử lý phạt Hợp đồng về vi phạm của mình.

- Vi phạm lần thứ 3: Bị đình chỉ thi công, thực hiện ngay các biện pháp đảm bảo an toàn, thời gian bị đình chỉ tùy thuộc vào mức độ vi phạm; chịu xử lý phạt Hợp đồng về vi phạm của mình; cá nhân vi phạm và cán bộ giám sát không được tiếp tục thực hiện công việc.

- Nếu để xảy ra tai nạn lao động hoặc gây thiệt hại về tài sản hay ảnh hưởng môi trường: Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật, thực hiện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả gây ra; bị xử lý vi phạm Hợp đồng và không được Bên giao thầu ký kết Hợp đồng với các công việc khác.

- Trường hợp vi phạm cam kết sẽ chịu phạt **5.000.000 đồng/1 lần vi phạm**.

## **Điều 14. Điện, nước và an ninh công trường**

### 14.1. Điện, nước trên công trường

Bên nhận thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện nước và các dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công. Bên nhận thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên, Bên nhận thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.

### 14.2. An ninh công trường

Bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường; Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Bên nhận thầu và của Bên giao thầu và những người khác do Bên giao thầu (*hoặc người thay mặt*) thông báo cho Bên nhận thầu biết.

## **Điều 15. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu**

15.1. Tạm ngừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Bên giao thầu nếu Bên nhận thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên giao thầu có thể ra thông báo yêu cầu Bên nhận thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

Bên giao thầu quyết định ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng khi Bên nhận thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Bên giao thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên nhận thầu không ít hơn **05 ngày** và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm ngừng.

---

---

## 15.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu

Bên giao thầu sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Bên nhận thầu:

- a) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- b) Không có lý do chính đáng mà **07 ngày** liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;
- c) Giao cho thầu phụ toàn bộ công trình, hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận, đồng ý của Bên giao thầu;
- d) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản.
- e) **Khi tổng giá trị phạt hợp đồng vượt quá giá trị 5% giá hợp đồng (Bao gồm cả phần phạt chậm tiến độ và phạt về an toàn, vệ sinh môi trường) chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng.**

## **Điều 16. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu**

### 16.1. Quyền tạm ngừng công việc của Bên nhận thầu

Nếu Bên giao thầu không bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc từng phần) cho Bên nhận thầu mà không có sự thỏa thuận và thống nhất giữa hai bên.

### 16.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu

Bên nhận thầu được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- a) Bên giao thầu về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- b) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá **03 tuần**;
- c) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản.

### 16.3. Ngừng công việc và di dời thiết bị Bên nhận thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng, Bên nhận thầu sẽ ngay lập tức:

- a) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên giao thầu hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;
- b) Chuyển giao cho Bên giao thầu toàn bộ tài liệu của Bên nhận thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Bên nhận thầu đã được thanh toán;
- c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

## **Điều 17. Bảo hiểm và bảo hành**

### 17.1. Bảo hiểm

- a) Bên giao thầu mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định.
- b) Bên nhận thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Bên nhận thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3 tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

### 17.2. Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Bên nhận thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình **trong thời gian 12 tháng** tính từ thời điểm nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng.
- Trong thời gian bảo hành công trình Bên nhận thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Bên nhận thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Bên nhận thầu.

## **Điều 18. Rủi ro và Bất khả kháng**

### 18.1. Rủi ro và bất khả kháng

- a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.
- b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra và không thể lường trước khi ký kết Hợp đồng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.
- c) Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

### 18.2. Trách nhiệm của các Bên với rủi ro

Các Bên sẽ thống nhất thỏa thuận giải quyết đối với rủi ro khi xảy ra tình trạng bất khả kháng.

---

---

---

## **Điều 19. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng**

19.1. Thương hợp đồng: Không áp dụng

19.2. Phạt hợp đồng:

- Phạt tiền độ: **Tổng giá trị phạt tiền độ hợp đồng tối đa là: 5% giá hợp đồng.**

\* Trên cơ sở tiền độ thi công chi tiết cho từng hạng mục, nếu chậm tiền độ do lỗi chủ quan của nhà thầu, phạt 5.000.000 đồng cho mỗi ngày chậm.

*Khi tổng giá trị phạt vượt quá giá trị 5% giá hợp đồng (Bao gồm cả phần phạt chậm tiền độ và phạt về an toàn, vệ sinh môi trường) chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng.*

## **Điều 20. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp**

20.1. Khiếu nại:

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 44, Văn bản hợp nhất số: 02/VBHN-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

20.2. Xử lý các tranh chấp:

Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 45, Văn bản hợp nhất số: 02/VBHN-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án kinh tế tỉnh Phú Thọ để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

20.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

## **Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**

21.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng **30 ngày** kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng, Bên nhận thầu sẽ trình cho Bên giao thầu 06 (sáu) bộ quyết toán Hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên giao thầu đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi Hợp đồng;
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng;
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (gọi là quyết toán A-B), trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên giao thầu có trách nhiệm thanh toán cho Bên nhận thầu;
- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;
- Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

Nhà thầu phải hoàn thiện hồ sơ quyết toán theo ý kiến (nếu có) của Bên giao thầu trong vòng 10 ngày kể từ ngày có ý kiến của Bên giao thầu.

21.2. Thanh lý Hợp đồng

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 16 của Hợp đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên nhận thầu], Điều 15 của Hợp đồng [Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Bên giao thầu]....

b) Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày các bên tham gia Hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo Điểm a Khoản 2 Điều này.

21.3. Chấm dứt trách nhiệm của Bên giao thầu

---

---

---

---

Bên giao thầu sẽ không chịu trách nhiệm với Bên nhận thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo Hợp đồng hoặc liên quan đến Hợp đồng sau khi thanh lý Hợp đồng.

## **Điều 22. Hiệu lực của Hợp đồng**

22.1. Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

22.2. Tính pháp lý của Hợp đồng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Bên giao thầu, Bên nhận thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điều 23. Điều Khoản chung**

23.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong Hợp đồng này.

23.2. Hợp đồng này bao gồm ..... trang văn bản hợp đồng, ..... trang phụ lục khối lượng và biểu giá và được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên giao thầu giữ 06 bản, Bên nhận thầu giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU<sup>(4)</sup>**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

*Ghi chú:*

*(1) Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp .*

*(2) Cập nhật các văn bản hiện hành liên quan đến hợp đồng.*

*(3), (4) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì trong hợp đồng phải bao gồm thông tin của tất cả các thành viên liên danh. Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu vào hợp đồng.*

---

---

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E-HSMT, E-HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

### BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(3)</sup>
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [Hệ thống tự tính]			

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] ở \_\_\_\_ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5 E-ĐKCT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(3)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5 E-ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] ở \_\_\_\_\_ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>*] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 35 E-ĐKCT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 35.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 35 E-ĐKCT.